



ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG ĐUỐI NƯỚC CHO TRẺ EM TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PROPOSING DROWNING PREVENTION SOLUTIONS FOR CHILDREN IN CAN THO CITY

TÓM TẮT: Bài báo tập trung nghiên cứu đề xuất hệ thống giải pháp phòng chống đuối nước cho trẻ em tại Thành phố Cần Thơ. Thông qua khảo sát và phân tích SWOT, nhóm tác giả xác định các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong công tác này. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất 12 giải pháp cụ thể thuộc 4 nhóm giải pháp về truyền thông – nhận thức, phát triển lớp học bơi, đầu tư cơ sở vật chất – nhân lực, và hoàn thiện chính sách phối hợp liên ngành. Nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn và khoa học cho việc xây dựng chương trình phòng chống đuối nước hiệu quả và bền vững tại địa phương.

TỪ KHÓA: Giải pháp, phòng chống, đuối nước, trẻ em

ABSTRACT: The article focuses on proposing a system of solutions for drowning prevention among children in Can Tho City. Through surveys and SWOT analysis, the authors identify strengths, weaknesses, opportunities, and threats in the current efforts. Based on these findings, the paper proposes 12 specific solutions grouped into four categories: communication and awareness, swimming class development, infrastructure and human resource investment, and policy improvement with intersectoral coordination. The study provides practical and scientific foundations for developing an effective and sustainable drowning prevention program at the local level.

KEYWORDS: Solutions, prevention, drowning, children

NGUYỄN THỊ ÁNH VIÊN
NGUYỄN THỊ MỸ LINH
Trường Đại học Thể dục Thể thao
Thành phố Hồ Chí Minh
LÊ HOÀNG MINH
Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ

NGUYEN THI ANH VIEN
NGUYEN THI MY LINH
University of Sport Ho Chi Minh city
LE HOANG MINH
Can Tho Vocational College

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đuối nước là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây tử vong cho trẻ em tại Việt Nam, đặc biệt ở những địa phương có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt như Thành phố Cần

Thơ. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong việc tuyên truyền, giáo dục và tổ chức các lớp học bơi cho trẻ em, tình trạng đuối nước vẫn diễn biến phức tạp. Thực trạng này cho thấy vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế trong nhận thức của cộng đồng, điều kiện cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu và sự phối hợp giữa các đơn vị trong triển khai chương trình phòng chống đuối nước còn thiếu đồng bộ và hiệu quả.

Trước thực trạng này, việc nghiên cứu, đánh giá và đề xuất các giải pháp phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương là vô cùng cần thiết, nhằm nâng cao hiệu quả của công tác

phòng chống đuối nước cho trẻ em. Đặc biệt, trong bối cảnh biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan ngày càng ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt người dân miền Tây Nam Bộ, vấn đề an toàn nước và kỹ năng sinh tồn dưới nước cần được xem là một nội dung ưu tiên trong giáo dục học đường và quản lý nhà nước về trẻ em.

Bài báo này tập trung khảo sát thực trạng công tác phòng chống đuối nước tại các trường học, cộng đồng dân cư và đơn vị liên quan trên địa bàn Thành phố Cần Thơ; từ đó đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, khả thi và phù hợp nhằm giảm thiểu tai

nạn đuối nước, góp phần bảo vệ an toàn tính mạng cho trẻ em – thế hệ tương lai của đất nước

Phương pháp nghiên cứu:
Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp điều tra bằng phiếu, phương pháp toán học thống kê

Khách thể nghiên cứu:

Khách thể phỏng vấn: 25 người là các nhà quản lý, các nhà khoa học, liên quan đến công tác phòng chống đuối nước cho trẻ em

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở đề xuất giải pháp

❖ Cơ sở lý luận

- Tổng quan các học thuyết và mô hình giáo dục phòng chống tai nạn thương tích.

- Quan điểm tiếp cận lấy trẻ em làm trung tâm trong giáo dục kỹ năng sống và an toàn nước.

- Căn cứ từ các nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước về phòng chống đuối nước trẻ em.

❖ Cơ sở thực tiễn

- Kết quả khảo sát thực trạng công tác phòng chống đuối nước tại Cần Thơ.

- Thực trạng cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên/huấn luyện viên, chương trình giảng dạy bơi.

- Mức độ nhận thức của phụ huynh, học sinh và cộng đồng.

- Tình hình các vụ đuối nước trẻ em đã xảy ra trên địa bàn.

❖ Cơ sở pháp lý và chính sách

- Luật Trẻ em (2016), Luật Thể dục Thể thao (sửa đổi 2018).

- Quyết định 1248/QĐ-TTg năm 2023 phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn

thương tích trẻ em giai đoạn 2023–2030.

- Kế hoạch số 21/KH-UBND năm 2022 của UBND TP. Cần Thơ về triển khai chương trình "Bơi an toàn – Phòng, chống đuối nước".

❖ Cơ sở từ kết quả phân tích SWOT

- Xác định các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong công tác phòng chống đuối nước trẻ em tại Thành phố Cần Thơ.

- Từ đó làm nền tảng để xây dựng nhóm giải pháp phù hợp với bối cảnh địa phương.

2.2. Cách tiếp cận để đề xuất các giải pháp

Việc đề xuất giải pháp phòng chống đuối nước cho trẻ em tại Thành phố Cần Thơ đòi hỏi một cách tiếp cận khoa học, tổng thể và có trọng tâm. Dưới đây là những cách tiếp cận chủ đạo được lựa chọn nhằm đảm bảo các giải pháp không chỉ có tính hiệu quả mà còn phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

- Cách tiếp cận dựa trên bằng chứng (Evidence-Based Approach)

- Cách tiếp cận lấy trẻ em làm trung tâm

- Cách tiếp cận hệ thống (Systemic Approach)

- Cách tiếp cận liên ngành và cộng đồng

- Cách tiếp cận phát triển bền vững

2.3. Nguyên tắc đề xuất các giải pháp

- Nguyên tắc phù hợp với điều

kiện thực tế địa phương

- Nguyên tắc khả thi và hiệu quả

- Nguyên tắc toàn diện và đồng bộ

- Nguyên tắc lấy phòng ngừa làm trọng tâm

- Nguyên tắc huy động sự tham gia của toàn xã hội

2.4. Phân tích SWOT về thực trạng công tác phòng chống đuối nước cho trẻ em trên địa bàn Thành phố Cần Thơ

❖ Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức

Điểm mạnh (Strengths)

- Nhận thức của phụ huynh và trẻ em về đuối nước khá cao: Hơn 80% phụ huynh và học sinh đánh giá đuối nước là vấn đề nghiêm trọng và cần thiết phải học bơi.

- Tỷ lệ trẻ từng được học kỹ năng phòng tránh đuối nước ở mức tương đối khá (80%), và trên 77% trẻ có ý thức cảnh giác với môi trường nước nguy hiểm.

- Một số đơn vị chủ động tổ chức lớp học bơi (62,9%), trong đó có đơn vị miễn phí hoặc hỗ trợ học phí.

- Sự đa dạng trong hình thức tuyên truyền: Nhiều đơn vị sử dụng cả trực tiếp, truyền thông xã hội, loa phát thanh, tờ rơi...

- Ý thức phụ huynh cao về việc trẻ cần học bơi từ sớm (92,2% đồng tình).

Điểm yếu (Weaknesses)

- Tỷ lệ trẻ biết bơi thành thạo còn thấp (36%), trong khi 64% chưa biết bơi hoặc bơi chưa tốt.

- Phụ huynh thiếu kỹ năng hướng dẫn con về an toàn nước: Khoảng 18% không nhắc nhở và 10% không biết kỹ năng.



- Chỉ 27,3% lớp bơi do trường học tổ chức – vai trò của nhà trường chưa phát huy tối đa.
- Thiếu cơ sở vật chất trầm trọng: 68,6% đơn vị không có bể bơi; chỉ 14,3% đơn vị đánh giá cơ sở vật chất hiện có đáp ứng tốt.
- Đội ngũ giáo viên/HLV bơi thiếu cả về số lượng và chất lượng, hơn 40% chưa có chứng chỉ nghiệp vụ.
- Chưa có ngân sách riêng cho phòng chống đuối nước tại hơn 50% đơn vị.
- Cơ hội (Opportunities)
- Chính sách hỗ trợ mạnh mẽ từ Trung ương và địa phương: như Quyết định 1248/QĐ-TTg (2020), Kế hoạch 21/KH-UBND (2022).
- Sự ủng hộ rất lớn từ phụ huynh và cộng đồng đối với việc học bơi, học kỹ năng an toàn nước.
- Có thể tận dụng hợp tác công – tư, mạng lưới trung tâm thể thao, hồ bơi tư nhân sẵn có

- để mở rộng tiếp cận.
- Ứng dụng công nghệ truyền thông xã hội trong tuyên truyền kỹ năng an toàn nước cho trẻ.
- Thách thức (Threats)
- Nguồn lực tài chính bị giới hạn, đặc biệt tại các vùng nông thôn, ngoại thành.
- Thiếu cơ chế phối hợp chặt chẽ liên ngành giữa giáo dục – thể thao – y tế – địa phương.
- Phụ huynh ở khu vực khó khăn gặp trở ngại trong việc đưa đón, đóng học phí hoặc theo sát việc học của con.
- Thiếu nhân lực chuyên sâu, đội ngũ giáo viên dạy bơi khó tuyển, thu nhập chưa hấp dẫn.
- ❖ Ma trận SWOT (bảng 1).

2.5. Kết quả đề xuất giải pháp phòng chống đuối nước cho trẻ em trên địa bàn Thành phố Cần Thơ

Từ các cơ sở thực tiễn và nguyên tắc đặt ra như trên, nghiên cứu đã đề xuất được 12 giải pháp sơ bộ thuộc 04 nhóm

giải pháp như sau:

1. Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức và truyền thông

- Đa dạng hóa kênh truyền thông (trực tiếp, mạng xã hội, truyền hình, loa phát thanh ...).
- Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, tập huấn kỹ năng phòng tránh đuối nước cho cả phụ huynh và học sinh.
- Xây dựng tài liệu truyền thông phù hợp từng nhóm: áp phích minh họa, video hoạt hình, tờ rơi ngắn gọn ...

2. Nhóm giải pháp mở rộng và nâng cao chất lượng lớp học bơi

- Mở rộng chương trình dạy bơi trong trường học, đặc biệt là tiểu học, THCS.
- Hợp tác với cơ sở tư nhân, trung tâm thể thao để tổ chức lớp học bơi theo hình thức xã hội hóa.
- Hỗ trợ học phí cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, triển khai chương trình “mỗi trường – một lớp bơi”.

BẢNG 1: MA TRẬN SWOT

	CƠ HỘI (O)	THÁCH THỨC (T)
Điểm mạnh (S)	SO - Phát huy điểm mạnh để tận dụng cơ hội:	ST – Phát huy điểm mạnh để vượt qua thách thức:
	- Tăng cường tuyên truyền kết hợp chính sách hỗ trợ của Nhà nước. - Kết nối mạnh mẽ giữa nhà trường và trung tâm bơi tư nhân để mở rộng lớp học bơi.	- Dựa vào nhận thức cao của phụ huynh và học sinh để thúc đẩy xã hội hóa học bơi. - Khai thác tốt kênh truyền thông xã hội để vượt qua rào cản tài chính, nhân lực trong tuyên truyền.
Điểm yếu (W)	WO – Khắc phục điểm yếu bằng cách tận dụng cơ hội:	WT – Hạn chế điểm yếu, đối phó với thách thức:
	- Tăng cường đầu tư, tận dụng nguồn hỗ trợ của chính quyền địa phương để cải thiện cơ sở vật chất. - Đào tạo kỹ năng phòng tránh đuối nước cho phụ huynh qua các kênh xã hội, hội phụ huynh, tổ dân phố.	- Đề xuất chính sách đào tạo, tuyển dụng, hỗ trợ tài chính để giảm thiểu nhân lực và nâng cao chất lượng. - Ban hành cơ chế phối hợp liên ngành rõ ràng giữa các đơn vị địa phương, nhà trường và tổ chức xã hội.

BẢNG 2: KẾT QUẢ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG ĐUỐI NƯỚC CHO TRẺ EM TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

TT	NỘI DUNG GIẢI PHÁP	MÃ HÓA
1	Đa dạng hóa kênh truyền thông (trực tiếp, mạng xã hội, truyền hình, loa phát thanh...).	GP1
2	Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, tập huấn kỹ năng phòng tránh đuối nước cho cả phụ huynh và học sinh.	GP2
3	Xây dựng tài liệu truyền thông phù hợp từng nhóm: áp phích minh họa, video hoạt hình, tờ rơi ngắn gọn...	GP3
4	Mở rộng chương trình dạy bơi trong trường học, đặc biệt là tiểu học, THCS.	GP4
5	Hợp tác với cơ sở tư nhân, trung tâm thể thao để tổ chức lớp học bơi theo hình thức xã hội hóa.	GP5
6	Hỗ trợ học phí cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, triển khai chương trình "mỗi trường – một lớp bơi".	GP6
7	Kêu gọi đầu tư xây dựng bể bơi cố định hoặc lắp ghép tại các trường có điều kiện.	GP7
8	Trang bị bể bơi di động ở các địa phương vùng sâu vùng xa.	GP8
9	Tổ chức lớp đào tạo, cấp chứng chỉ nghiệp vụ cho giáo viên thể chất, huấn luyện viên dạy bơi.	GP9
10	Đề xuất phân bổ ngân sách riêng cho công tác phòng chống đuối nước tại địa phương	GP10
11	Ban hành hướng dẫn liên ngành về phối hợp tổ chức lớp học bơi, truyền thông, sơ cấp cứu đuối nước.	GP11
12	Thiết lập cơ chế kiểm tra – giám sát – đánh giá hiệu quả hoạt động phòng chống đuối nước hằng năm.	GP12

3. Nhóm giải pháp phát triển cơ sở vật chất và nguồn nhân lực

- Kêu gọi đầu tư xây dựng bể bơi cố định hoặc lắp ghép tại các trường có điều kiện.
- Trang bị bể bơi di động ở các địa phương vùng sâu vùng xa.
- Tổ chức lớp đào tạo, cấp chứng chỉ nghiệp vụ cho giáo viên thể chất, huấn luyện viên dạy bơi.

4. Nhóm giải pháp hoàn thiện chính sách và tăng cường phối hợp liên ngành

- Đề xuất phân bổ ngân sách riêng cho công tác phòng chống đuối nước tại địa phương
- Ban hành hướng dẫn liên ngành về phối hợp tổ chức lớp học bơi, truyền thông, sơ cấp cứu đuối nước.
- Thiết lập cơ chế kiểm tra – giám sát – đánh giá hiệu quả hoạt động phòng chống đuối nước hằng năm.

Sau khi xây dựng được các giải pháp sơ bộ, nghiên cứu tiến hành xây dựng phiếu và tiến hành khảo sát 25 khách thể là

các nhà quản lý, các nhà khoa học, liên quan đến công tác phòng chống đuối nước cho trẻ em về tính cấp thiết và tính khả thi của từng giải pháp theo hệ thống đánh giá Likert - 5 mức như sau:

- Thang đo Likert đánh giá mức độ cấp thiết của các giải pháp bao gồm:

- [1]: Rất không cấp thiết;
- [2]: Không cấp thiết;
- [3]: Bình thường/phân vân;
- [4]: Cấp thiết;
- [5]: Rất cấp thiết

- Thang đo Likert đánh giá mức độ khả thi của các giải pháp bao gồm:

- [1]: Rất không khả thi;
- [2]: Không khả thi;
- [3]: Bình thường/phân vân;
- [4]: Khả thi;
- [5]: Rất khả thi

Quy ước để lựa chọn các giải pháp trong nghiên cứu: Các giải pháp chỉ được chọn khi có giá trị trung bình qua phỏng vấn đều lớn hơn 3.41 theo đánh giá của các chuyên gia về tính khả thi và tính cấp thiết của các giải pháp.

Hệ thống các giải pháp sẽ có giá trị và độ tin cậy cao khi được thông qua các ý kiến nhận xét, đánh giá và phản biện của các khách thể phỏng vấn về mức độ cấp thiết và mức độ khả thi của từng giải pháp. Qua kết quả phỏng vấn, tác giả tiến hành thống kê đánh giá của khách thể nghiên cứu về tính cấp thiết và tính khả thi của từng giải pháp theo thang đo Likert – 5 mức độ. Kết quả thu được bao gồm các nội dung như sau:

Kết quả phân tích cho thấy 12 giải pháp được đề xuất đều được các chuyên gia đánh giá có mức độ cấp thiết cao, với giá trị trung bình dao động từ 4.40 đến 4.80 trên thang đo Likert 5 mức. Điều này phản ánh sự đồng thuận về tầm quan trọng của việc triển khai các biện pháp đồng bộ, toàn diện nhằm giảm thiểu tai nạn đuối nước ở trẻ em trên địa bàn Thành phố Cần Thơ.

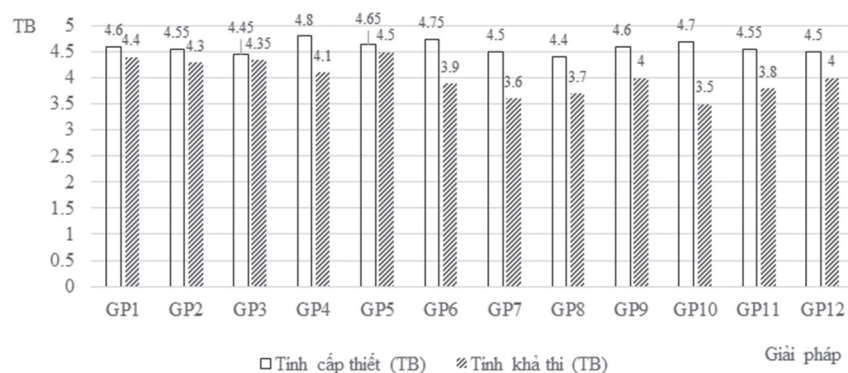
- Trong đó, ba giải pháp được đánh giá có tính cấp thiết cao nhất bao gồm: GP4 – Mở rộng



chương trình dạy bơi trong trường học, đặc biệt là tiểu học, THCS (TB=4.80): Đây là giải pháp mang tính nền tảng, đảm bảo phổ cập kỹ năng bơi cho học sinh trong môi trường giáo dục chính quy. GP6 – Hỗ trợ học phí cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, triển khai chương trình “mỗi trường – một lớp bơi” (TB=4.75): Góp phần giúp các em tiếp cận học bơi không bị rào cản bởi điều kiện kinh tế. GP10 – Đề xuất phân bổ ngân sách riêng cho công tác phòng chống đuối nước tại địa phương (TB=4.70): Bảo đảm nguồn lực ổn định và chủ động cho địa phương trong triển khai chương trình hành động.

Ngoài ra, các giải pháp như: GP5 – Hợp tác với cơ sở tư nhân, trung tâm thể thao để tổ chức lớp học bơi theo hình thức xã hội hóa (TB=4.65), GP1 – Đa dạng hóa kênh truyền thông (trực tiếp, mạng xã hội, truyền hình, loa phát thanh...) (TB=4.60) và GP9 – Tổ chức lớp đào tạo, cấp chứng chỉ nghiệp vụ cho giáo viên thể chất, huấn luyện viên dạy bơi (TB=4.60) cũng được đánh giá rất cao về tính cấp thiết, thể hiện sự ưu tiên đối với việc nâng cao năng lực triển khai, tận dụng nguồn lực xã hội và truyền thông đại chúng để nâng cao nhận thức cộng đồng.

- Về tính khả thi, các giải pháp có điểm trung bình dao động từ 3.50 đến 4.50. Nhìn chung, những giải pháp có tính chất linh hoạt, tận dụng được điều kiện sẵn có, ít tốn kém chi phí thường được đánh giá cao hơn. Cụ thể: GP5 – Hợp tác với cơ sở



BIỂU ĐỒ 1: THỐNG KÊ GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÍNH CẤP THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA TỪNG GIẢI PHÁP

tư nhân, trung tâm thể thao để tổ chức lớp học bơi theo hình thức xã hội hóa (TB=4.50): Là giải pháp khả thi cao vì tận dụng nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước; GP1 – Đa dạng hóa kênh truyền thông (trực tiếp, mạng xã hội, truyền hình, loa phát thanh...) (TB=4.40); GP3 – Xây dựng tài liệu truyền thông phù hợp từng nhóm: áp phích minh họa, video hoạt hình, tờ rơi ngắn gọn... (TB=4.35); GP2 – Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, tập huấn kỹ năng phòng tránh đuối nước cho cả phụ huynh và học sinh (TB=4.30). Đây là những giải pháp dễ tổ chức, chi phí thấp và có thể triển khai đồng loạt ở nhiều đơn vị.

Trong khi đó, một số giải pháp được đánh giá có tính cấp thiết cao nhưng khả thi còn hạn chế, như: GP10 – Đề xuất phân bổ ngân sách riêng cho công tác phòng chống đuối nước tại cấp huyện/xã (TB=3.50); GP7 – Kêu gọi đầu tư xây dựng bể bơi cố định hoặc lắp ghép tại các trường có điều kiện (TB=3.60); GP6 – Hỗ trợ học phí cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, triển khai chương

trình “mỗi trường – một lớp bơi” (TB=3.90); GP11 – Ban hành hướng dẫn liên ngành về phối hợp tổ chức lớp học bơi, truyền thông, sơ cấp cứu đuối nước (TB=3.80).

Nguyên nhân chủ yếu là do các giải pháp này cần sự cam kết lâu dài từ phía chính quyền, sự phân bổ ngân sách phù hợp, cũng như sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, điều mà hiện nay chưa được thực hiện đồng bộ ở tất cả địa phương.

Tóm lại, sự chênh lệch giữa tính cấp thiết và tính khả thi cho thấy cần xây dựng lộ trình ưu tiên triển khai phù hợp với thực tiễn. Những giải pháp có tính khả thi cao nên được triển khai ngay để tạo nền tảng (truyền thông, xã hội hóa, nâng cao năng lực), trong khi các giải pháp mang tính dài hạn (đầu tư cơ sở vật chất, chính sách ngân sách, hỗ trợ học phí) cần sự chuẩn bị kỹ lưỡng và phân bổ nguồn lực hợp lý theo từng giai đoạn.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đuối nước ở trẻ em tiếp tục là vấn đề cấp thiết, đặc biệt tại các địa phương có hệ thống sông

ngôi dày đặc như Thành phố Cần Thơ. Qua phân tích thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng, nghiên cứu đã xác định được những điểm mạnh cần phát huy, những điểm yếu cần khắc phục, đồng thời chỉ ra các cơ hội và thách thức trong công tác phòng chống đuối nước tại địa phương. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đã xây dựng và đề xuất 12 giải pháp cụ thể, được chia thành 4 nhóm chính: nâng cao nhận thức – truyền thông, phát

triển lớp học bơi, đầu tư cơ sở vật chất và nguồn nhân lực, hoàn thiện chính sách và tăng cường phối hợp liên ngành.

Kết quả khảo sát ý kiến chuyên gia cho thấy các giải pháp được đánh giá cao về tính cấp thiết, tuy nhiên mức độ khả thi còn khác nhau, đòi hỏi sự ưu tiên triển khai theo lộ trình phù hợp với nguồn lực và điều kiện thực tế. Nghiên cứu này không chỉ cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng chính sách

và chương trình hành động, mà còn là cơ sở thực tiễn để các cấp chính quyền, trường học và cộng đồng cùng tham gia tích cực, nhằm bảo vệ an toàn tính mạng và phát triển toàn diện cho trẻ em – thế hệ tương lai của đất nước. ■

Ngày tòa soạn nhận bài: 20/05/2025,
ngày phản biện đánh giá: 09/06/2025,
ngày chấp nhận đăng: 20/06/2025

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Lê Vi Chính, Đinh Văn Thúc (2021), *Kiến thức và thực hành phòng chống đuối nước của phụ huynh và cán bộ y tế tại huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định*, Tạp chí Y học Dự phòng, Tập 30, Số 1, tr. 27–34.
2. Nguyễn Tiến Dũng, Hoàng Việt Trung và Trần Văn Điện (2021), *Từ thực trạng đề xuất giải pháp nâng cao kỹ năng phòng tránh tai nạn đuối nước cho trẻ em ở vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Gia Lai*, Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, Tập 10, Số 1, tr. 40–48.
3. Nguyễn Thái Hưng (2019), *Nghiên cứu giải pháp phát triển bơi lội chống đuối nước cho học sinh tiểu học tại các trường có bể bơi của tỉnh Hải Dương*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học Thể dục Thể thao, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Lương, Hoàng Đức Phúc và Nguyễn Bích Diệp (2024), *Kiến thức, thực hành về phòng chống đuối nước của học sinh một trường trung học cơ sở thuộc huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội năm 2023*, Tạp chí Y học Cộng đồng Việt Nam, Tập 65, Số chuyên đề 5, tr. 173–179.
5. Quốc hội (2016), *Luật Trẻ em. Luật số 102/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016*.
6. Lê Quý Phượng và cộng sự (2015), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý thể dục thể thao*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
7. Thủ tướng chính phủ (2021), *Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 về Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em giai đoạn 2021–2030*.
8. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 1717/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 phê duyệt Chương trình tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng chống đuối nước cho học sinh giai đoạn 2025–2035*.
9. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Trường Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.